

DANH MỤC ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN

Lưu ý:

- Các đề tài được liệt kê dưới đây mang tính gợi ý, sinh viên có thể đăng ký với Khoa đề tài khác do mình tự chọn, hoặc đưa ra cách tiếp cận khác (phải được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn khi nhận đề tài).
- Sinh viên có thể chọn một mảng nhỏ trong các đề tài nằm trong danh mục để thực hiện. Đối với các đề tài nghiên cứu về một mảng pháp luật nhất định, sinh viên được quyền lựa chọn nghiên cứu ở mảng thực tiễn áp dụng (Tên đề tài có thể là: Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật...).

Bộ môn: LUẬT ĐẤT ĐAI – MÔI TRƯỜNG

A. LUẬT ĐẤT ĐAI

1. Pháp luật về hòa giải tranh chấp đất đai tại UBND theo Luật Đất đai 2013.
2. Các biện pháp đảm bảo quyền lợi của khách hàng mua nhà hình thành trong tương lai trong kinh doanh nhà ở.
3. Quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
4. Pháp luật về chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở dưới hình thức phân lô, bán nền trong dự án kinh doanh nhà ở.
5. Thủ tục giao dịch quyền sử dụng đất và mối quan hệ với thủ tục giao dịch bất động sản trong kinh doanh bất động sản.
6. Pháp luật về quản lý sử dụng nhà chung cư.
7. Những vấn đề pháp lý về thu hồi đất đối với dự án chậm triển khai hoặc chậm tiến độ theo Luật Đất đai 2013.
8. Pháp luật về thuê mua nhà ở xã hội.
9. Quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân.
10. Điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo Luật Đất đai 2013.

11. Pháp luật về tư vấn xác định giá đất.
12. Pháp luật về tiền sử dụng đất.
13. Pháp luật về tiền thuê đất.
14. Pháp luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
15. Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.
16. Pháp luật về thừa kế quyền sử dụng đất.
17. Quyền và nghĩa vụ của người Việt Nam định cư ở nước ngoài sử dụng đất tại Việt Nam.
18. Các căn cứ xác lập quyền sử dụng đất của người sử dụng đất theo pháp luật đất đai hiện hành.
19. Pháp luật về điều kiện kinh doanh hàng hóa bất động sản.
20. Pháp luật về kinh doanh dịch vụ bất động sản.
21. Các vấn đề pháp lý về chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất.
22. Kinh doanh quyền sử dụng đất theo quy định của Luật kinh doanh bất động sản.
23. Một số giải pháp pháp lý hoàn thiện công tác đăng ký đất đai tại Việt Nam.
24. Thu hồi đất để sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.
25. Quyền tiếp cận đất đai của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
26. Các vấn đề pháp lý về chuyển mục đích sử dụng đất.
27. Vấn đề bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất trong pháp luật đất đai hiện hành.
28. Thực trạng pháp luật về thuế sử dụng đất và hướng hoàn thiện.
29. Thực trạng pháp luật về thuế thu nhập từ việc chuyển quyền sử dụng đất và hướng hoàn thiện.
30. Quyền cho thuê quyền sử dụng đất của người sử dụng đất.
31. Quyền sử dụng đất của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

32. Những vấn đề pháp lý về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Luật Đất đai 2013.
33. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
34. Chế độ pháp lý đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài sử dụng đất tại Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư. Thực trạng pháp luật về xử lý hành vi vi phạm pháp luật đất đai và hướng hoàn thiện
35. Quyền giao dịch quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất tại Việt Nam.
36. Địa vị pháp lý của tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam.
37. Pháp luật về kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án.
38. Quyền tặng cho quyền sử dụng đất.
39. Vấn đề thẩm quyền và thủ tục giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai.
40. Chế độ pháp lý đối với đất khu công nghệ cao, khu kinh tế.
41. Chế độ pháp lý đối đất được nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất trong các tổ chức.
42. Hoàn thiện chế độ pháp lý đối với tổ chức kinh tế trong nước sử dụng đất.
43. Những vấn đề pháp lý về giá đất.
44. Về quyền góp vốn liên doanh bằng quyền sử dụng đất.
45. Vấn đề bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
46. Quyền thế chấp quyền sử dụng đất – thực trạng pháp lý và giải pháp hoàn thiện.
47. Mối quan hệ giữa hoạt động quản lý nhà nước về đất đai và quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất.
48. Thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất.
49. Giao dịch tài sản gắn liền với đất – Thực trạng pháp luật và hướng hoàn thiện.
50. Pháp luật về hạn mức giao đất, hạn mức đất được phép nhận chuyển quyền.
51. Pháp luật về thời hạn sử dụng đất.

52. Chế độ pháp lý đối với đất ở - thực trạng và hướng hoàn thiện.
53. Kinh doanh nhà, công trình xây dựng theo pháp luật kinh doanh bất động sản.
54. Kinh doanh quyền sử dụng đất – thực trạng pháp luật và giải pháp hoàn thiện.
55. Thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản – thực trạng và hướng hoàn thiện.
56. Pháp luật về mua bán nhà ở hình thành trong tương lai.
57. Pháp luật về chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh bất động sản.
58. Các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp phát triển nhà ở thương mại.
59. Pháp luật về môi giới bất động sản.
60. Quyền được tiếp cận thông tin đất đai trong các hoạt động điều phối đất đai.
61. Hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai- Thực trạng và định hướng phát triển trong tương lai.
62. Pháp luật về thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng con người.
63. Pháp luật về xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu đất đai.
64. Pháp luật về hoạt động lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở chính quyền địa phương.
65. Pháp luật về bồi thường về đất và chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng.

B. LUẬT MÔI TRƯỜNG – Y TẾ

66. Pháp luật về phát triển dịch vụ môi trường.
67. Pháp luật về thu hồi năng lượng từ chất thải.
68. Pháp luật về phát triển năng lượng tái tạo.
69. Pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề.
70. Pháp luật về cấp quyền khai thác khoáng sản.
71. Pháp luật về chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên khoáng sản.
72. Khía cạnh pháp lý của việc phát triển thị trường tín chỉ cacbon trong nước.
73. Ứng phó biến đổi khí hậu trong pháp luật bảo vệ môi trường.
74. Khía cạnh pháp lý của việc xác định thiệt hại do sự cố môi trường.
75. Kiểm soát tiếng ồn trong hoạt động giao thông vận tải.

76. Kiểm soát tiếng ồn trong hoạt động xây dựng.
77. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm tiếng ồn
78. Quản lý chất thải rắn thông thường trong quy hoạch bảo vệ môi trường.
79. Pháp luật về tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng từ chất thải.
80. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong mai táng, hỏa táng.
81. Kiểm soát hoạt động phá dỡ phương tiện giao thông vận tải đã qua sử dụng.
82. Pháp luật về Tiêu chuẩn chất lượng môi trường xung quanh.
83. Pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với chất thải
84. Quyền tố cáo vi phạm pháp luật về môi trường.
85. Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường.
86. Pháp luật về bảo vệ môi trường đối với khu công nghiệp.
87. Pháp luật về nhập khẩu chất thải.
88. Quyền tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật môi trường.
89. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cảnh sát môi trường – Thực trạng và hướng hoàn thiện
90. Hoạt động kiểm soát việc buôn bán các giống loài hoang dã nguy cấp theo Công ước CITES tại Việt Nam.
91. Điều kiện và phạm vi hành nghề y dược tư nhân - Thực trạng và hướng hoàn thiện.
92. Khía cạnh pháp lý của việc áp dụng những tiến bộ khoa học – công nghệ trong lĩnh vực y tế.
93. Pháp luật về gây nuôi động vật rừng ở Việt Nam – Thực trạng và hướng giải quyết.
94. Nguyên tắc coi môi trường là một thể thống nhất và chủ quyền quốc gia theo luật quốc tế về môi trường.
95. Những vấn đề pháp lý của việc bảo vệ các vùng đất ngập nước ở Việt nam.
96. Pháp luật Việt Nam về đa dạng sinh học – Thực trạng và hướng giải quyết.
97. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng trong khai thác gỗ và lâm sản.
98. Các hình thức trả tiền cho hành vi gây ô nhiễm theo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền ở Việt nam.
99. Quyền chuyển quyền sử dụng rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp.
100. Quyền sở hữu rừng và quyền sử dụng rừng theo Luật Lâm nghiệp.
101. Vấn đề giao rừng, cho thuê rừng theo Luật Lâm nghiệp.
102. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khai thác, sử dụng tài nguyên nước

103. Quyền và nghĩa vụ của các chủ thể khai thác, sử dụng tài nguyên thủy sản.
104. Nghĩa vụ bảo vệ môi trường của chủ thể khai thác khoáng sản.
105. Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm nguồn nước tại Việt Nam.
106. Pháp luật về quản lý chất thải y tế tại Việt Nam.
107. Phương thức giải quyết tranh chấp về bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường gây ra - Thực trạng và hướng hoàn thiện.
108. Xử lý vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường - Thực trạng và hướng hoàn thiện.
109. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm – Thực trạng và hướng hoàn thiện.
110. Những vấn đề pháp lý trong lĩnh vực kiểm soát dịch bệnh ở Việt Nam.
111. Khía cạnh pháp lý của việc sinh con bằng phương pháp khoa học ở Việt Nam.
112. Khía cạnh pháp lý của chính sách dân số ở Việt Nam.
113. Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chuyên môn về môi trường – Thực trạng và hướng hoàn thiện.
114. Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng theo Luật Lâm nghiệp.
115. Gây nuôi động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp quý hiếm - một số vấn đề pháp lý và giải pháp hoàn thiện.
116. Mua bán động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp quý hiếm - một số vấn đề pháp lý và giải pháp hoàn thiện.
117. Quá trình thực thi Hiệp định đối tác tự nguyện về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (VPA/FLEGT) - Định hướng phát triển lâm nghiệp tại Việt Nam
118. Nghiên cứu lý thuyết về diễn biến rừng
119. Định giá tài nguyên (rừng, nước, thủy sản, khoáng sản)
120. Ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản - thực trạng và giải pháp hoàn thiện.
121. Ký quỹ nhập khẩu phế liệu - thực trạng và hướng hoàn thiện.
122. Xử lý chất thải nguy hại - một số vấn đề pháp lý đặt ra và hướng hoàn thiện.
123. Thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ- thực trạng và giải pháp hoàn thiện.
124. Quy hoạch bảo vệ môi trường- thực trạng và giải pháp hoàn thiện.
125. Chế độ sở hữu đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên – So sánh với một số

nước.

126. Nguyên tắc phòng ngừa trong các quy định pháp luật môi trường Việt Nam.
127. Pháp luật về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
128. Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật môi trường của doanh nghiệp Việt Nam
129. Bảo vệ di sản thế giới tại Việt Nam - Thực tiễn và hướng hoàn thiện pháp luật.
130. Bảo tồn đất ngập nước theo Công ước RAMSAR và pháp luật Việt Nam.
131. Pháp luật về quy chuẩn kỹ thuật môi trường
132. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản
133. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải
134. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch
135. Pháp luật về quản lý chất thải đối với bệnh viện và cơ sở y tế
136. Pháp luật về quản lý chất lượng môi trường
137. Phát triển bền vững về tài nguyên nước
138. Pháp luật về phòng ngừa, ứng phó biến đổi khí hậu
139. Pháp luật về bảo tồn và khai thác giá trị di sản thế giới tại Việt Nam
140. Pháp luật về giấy phép môi trường

Bộ môn: LUẬT TÀI CHÍNH – THUẾ - NGÂN HÀNG

A. PHÁP LUẬT TÀI CHÍNH CÔNG

141. Nguyên tắc công khai, minh bạch trong quản lý ngân sách nhà nước – Quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng.
142. Quy định pháp luật về áp dụng công nghệ số trong quản lý tài chính công.
143. Tác động của kinh tế số/kinh tế xanh/ kinh tế tuần hoàn đến pháp luật quản lý tài chính công.
144. Quy định pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.
145. Quy định pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách địa phương.
146. Quy định pháp luật về phân cấp quản lý trong đầu tư công.
147. Pháp luật về phân cấp nguồn thu giữa các cấp ngân sách trong Hệ thống ngân sách nhà nước.
148. Quy định pháp luật về phân cấp ngân sách thực hiện các dự án hạ tầng giao thông.
149. Pháp luật về phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách trong Hệ thống ngân sách nhà nước.
150. Pháp luật về khoản thu Phí thuộc ngân sách nhà nước.
151. Chế độ pháp lý về phân cấp quản lý các khoản thu Phí thuộc ngân sách nhà nước.
152. Pháp luật về khoản thu về Lệ phí.
153. Chế độ pháp lý về phân cấp quản lý các khoản thu Lệ phí.
154. Pháp luật về quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính nhà nước.
155. Pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công tại các cơ quan hành chính Nhà nước.
156. Pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công.
157. Pháp luật về tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công.
158. Pháp luật về hoạt động tài chính của các trường đại học công lập trong bối cảnh xã hội hóa giáo dục và tự chủ đại học.
159. Quy chế pháp lý về các khoản thu của trường đại học công lập tự chủ tài chính.
160. Quy chế pháp lý các khoản chi của các trường đại học công lập tự chủ tài chính.
161. Nghĩa vụ tài chính của các trường đại học công lập tự chủ tài chính.
162. Quy định pháp luật về hoạt động quyết toán ngân sách nhà nước.
163. Pháp luật về chu trình ngân sách nhà nước – Thực trạng và hướng hoàn thiện.

164. Pháp luật về quản lý quỹ ngân sách nhà nước.
165. Pháp luật về quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách – Thực trạng và hướng hoàn thiện.
166. Quy định pháp luật về quản lý quỹ bảo hiểm xã hội.
167. Quy định pháp luật về quản lý quỹ bảo hiểm y tế.
168. Quy định pháp luật về quản lý quỹ Bình ổn giá xăng dầu
169. Quy định pháp luật về dự phòng ngân sách nhà nước.
170. Chế độ pháp lý về trái phiếu Chính Phủ.
171. Chế độ pháp lý về trái phiếu chính quyền địa phương.
172. Chế độ pháp lý về trái phiếu xanh.
173. Chế độ pháp lý về nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).
174. Chế độ pháp lý về huy động nguồn lực để thực hiện chuyển đổi năng lượng công bằng trong Tuyên bố JETP.
175. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về huy động, sử dụng nguồn lực tài chính từ đất đai, tài nguyên phục vụ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
176. Pháp luật về quản lý nợ công ở Việt Nam – Thực trạng và hướng hoàn thiện.
177. Pháp luật về quản lý và giám sát tín dụng tín dụng nhà nước.
178. Pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản.
179. Pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho phòng chống, khắc phục hậu quả của dịch bệnh.
180. Pháp luật về chi ngân sách nhà nước cho ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai.
181. Chế độ pháp lý về khoản chi thường xuyên của ngân sách nhà nước.
182. Quy định pháp luật về khoản chi bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.
183. Quy định pháp luật về điều kiện chi ngân sách nhà nước và thực tiễn áp dụng.
184. Quy định pháp luật về các phương thức chi ngân sách nhà nước.
185. Pháp luật về kiểm soát chi ngân sách nhà nước.
186. Pháp luật về đầu tư công – Thực trạng và hướng hoàn thiện.
187. Hoàn thiện Pháp luật đầu tư công về phát triển giao thông đường sắt.
188. Pháp luật về bội chi Ngân sách nhà nước.
189. Pháp luật về bội chi Ngân sách địa phương.

190. Pháp luật về giải quyết thâm hụt ngân sách nhà nước.
191. Pháp luật tài chính công trong việc phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam.
192. Pháp luật về giám sát tài chính công ở Việt Nam.
193. Pháp luật về Thanh tra tài chính.
194. Pháp luật về Kiểm toán nhà nước.

B. PHÁP LUẬT THUẾ

195. Quyền của người nộp thuế.
196. Nghĩa vụ của người nộp thuế.
197. Bảo vệ quyền của người nộp thuế.
198. Quyền thông tin của người nộp thuế.
199. Quyền và nghĩa vụ cung cấp thông tin của người nộp thuế.
200. Chế độ pháp lý về thu thập và quản lý thông tin của cơ quan quản lý thuế.
201. Pháp luật về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế.
202. Quy định về căn cứ tính thuế xuất khẩu – nhập khẩu.
203. Quy định về giá tính thuế xuất khẩu – nhập khẩu.
204. Quy định pháp luật về thuế suất thuế xuất khẩu – nhập khẩu.
205. Địa vị pháp lý của đại lý hải quan.
206. Giải pháp pháp lý chống gian lận trong hoàn thuế nhập khẩu.
207. Giải pháp pháp lý chống gian lận trong miễn thuế nhập khẩu.
208. Pháp luật về thuế chống bán phá giá hàng nhập khẩu.
209. Pháp luật về thuế chống trợ cấp.
210. Pháp luật về thuế tự vệ.
211. Nghĩa vụ thuế đối với hoạt động xuất khẩu tại chỗ.
212. Nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp khu chế xuất.
213. Quy định về giá tính thuế TTĐB.
214. Qui định về những trường hợp không chịu thuế TTĐB.
215. Pháp luật về khấu trừ thuế, hoàn thuế TTĐB.
216. Cơ sở hình thành qui định về đối tượng không chịu thuế GTGT.
217. Qui định pháp luật về hóa đơn, chứng từ.
218. Quy định về hóa đơn điện tử và giải pháp pháp lý hoàn thiện.
219. Quy định pháp luật về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư.

220. Giải pháp pháp lý chống gian lận trong việc áp dụng qui định về ưu đãi thuế TNDN.
221. Chế độ pháp lý về thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.
222. Chế độ pháp lý về xác định doanh thu trong thuế TNDN.
223. Chế độ pháp lý về các khoản chi để tính thu nhập chịu thuế TNDN.
224. Thực tiễn áp dụng pháp luật về ưu đãi thuế TNDN.
225. Nghĩa vụ thuế TNCN của nhà đầu tư nước ngoài đối với giao dịch chuyển nhượng vốn.
226. Nghĩa vụ thuế của các quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài trong hoạt động đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.
227. Pháp luật về thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động kinh doanh.
228. Pháp luật về thuế TNCN đối với thu nhập từ thừa kế, quà tặng.
229. Thực tiễn áp dụng các qui định về giảm trừ gia cảnh trong thuế TNCN.
230. Nghĩa vụ thuế phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng phần vốn góp của cá nhân.
231. Nguyên tắc công bằng trong phương pháp tính thuế thu nhập cá nhân.
232. Nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân của cổ đông, thành viên công ty.
233. Nghĩa vụ thuế thu nhập của cá nhân không cư trú.
234. Nghĩa vụ thuế của các cá nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.
235. Quy định pháp luật về khấu trừ tại nguồn trong thuế TNCN
236. Nghĩa vụ kê khai và quyết toán thuế TNCN.
237. Pháp luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
238. Quản lý hoạt động thu nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
239. Thực trạng áp dụng pháp luật thuế tài nguyên.
240. Pháp luật thuế tài nguyên với vấn đề quản lý tài nguyên nhân tạo.
241. Thực tiễn áp dụng pháp luật thuế bảo vệ môi trường.
242. Thực tiễn áp dụng thuế bảo vệ môi trường đối với các hàng hóa có thành phần nhựa tổng hợp.
243. Các giải pháp pháp lý nhằm tăng tính hiệu quả trong hoạt động bảo vệ môi trường của thuế bảo vệ môi trường.
244. Nghĩa vụ thuế phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng phần vốn góp của tổ chức kinh tế
245. Nghĩa vụ thuế phát sinh từ hoạt động mua bán - sáp nhập doanh nghiệp.

246. Nhận diện hành vi vi phạm pháp luật thuế phát sinh trong các nhóm công ty và giải pháp phòng ngừa.
247. Nghĩa vụ thuế của các tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.
248. Nghĩa vụ thuế đối với hoạt động kinh doanh theo mô hình kinh tế chia sẻ.
249. Nghĩa vụ thuế đối với hoạt động thương mại điện tử.
250. Nghĩa vụ thuế đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài.
251. Quản lý thuế đối với Youtuber tại Việt Nam.
252. Quản lý thuế đối với các giao dịch thực hiện thông qua mạng xã hội.
253. Quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết.
254. Quản lý thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam của người nộp thuế.
255. Quản lý thuế đối với thu nhập phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam.
256. Hiệp định thuế về ngăn ngừa xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận (MIL)– Những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam
257. Thuế tối thiểu toàn cầu – những vấn đề pháp lý đặt ra cho Việt Nam.
258. Pháp luật về thuế tài sản của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam.
259. Pháp luật về thuế Carbon của một số nước trên thế giới và một số kiến nghị cho Việt Nam.
260. Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công.

C. PHÁP LUẬT NGÂN HÀNG

261. Cơ chế đảm bảo hiệu quả hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng.
262. Pháp luật về điều hành lãi suất của NHNN.
263. Chế độ pháp lý về hoạt động tái cấp vốn của NHNN Việt Nam.
264. Quy định pháp luật về kiểm soát ngoại tệ thông qua các giao dịch vốn.
265. Quy định pháp luật về kiểm soát ngoại tệ từ giao dịch vãng lai.
266. Pháp luật về cơ chế điều hành chính sách tiền tệ của NHNN Việt Nam.
267. Pháp luật về kinh doanh ngoại tệ
268. Các quy định hạn chế sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam.
269. Quy định pháp luật về hoạt động phát hành tiền của NHNN.
270. Chế độ pháp lý về hoạt động của Ngân hàng hợp tác xã.

271. Chế độ pháp lý về cơ cấu tổ chức của Quỹ tín dụng nhân dân.
272. Chế độ pháp lý về bộ phận kiểm soát tuân thủ trong NHTM.
273. Quy chế pháp lý về cổ đông của ngân hàng thương mại cổ phần
274. Quy chế pháp lý về quản trị và điều hành ngân hàng thương mại cổ phần
275. Pháp luật về kiểm soát đặc biệt đối với TCTD.
276. Pháp luật về hoạt động của công ty mua bán nợ.
277. Pháp luật về xử lý tài sản thế chấp của các TCTD (là tài sản hình thành trong tương lai, quyền đòi nợ, tài sản chung của vợ, chồng...).
278. Pháp luật về thế chấp tài sản hình thành trong tương lai đối với các dự án nhà ở thương mại để bảo đảm khoản vay tại NHTM.
279. Pháp luật về thế chấp tài sản là hàng hóa luân chuyển để bảo đảm khoản vay tại ngân hàng thương mại.
280. Quy định pháp luật về điều kiện vay vốn tại NHTM.
281. Pháp luật về cung ứng và sử dụng séc.
282. Pháp luật về hợp đồng cho thuê tài chính.
283. Thực trạng giải quyết tranh chấp HĐTD tại tòa án.
284. Chế độ pháp lý về hoạt động phát hành giấy tờ có giá của ngân hàng thương mại.
285. Quy định pháp luật về phương thức thanh toán bằng thẻ tín dụng / thẻ thanh toán.
286. Quy định pháp luật về tài khoản thanh toán.
287. Quy định pháp luật về tài khoản tiền gửi của tổ chức.
288. Quyền và nghĩa vụ của người gửi tiền tiết kiệm
289. Quyền và nghĩa vụ của chủ thẻ đi vay trong hợp đồng tín dụng.
290. Tranh chấp về lãi suất trong HĐTD.
291. Thực trạng áp dụng quy định pháp luật về hạn chế cấp tín dụng tại NHTM.
292. Thực trạng áp dụng quy định pháp luật về cấm cấp tín dụng tại NHTM.
293. Thực trạng áp dụng quy định pháp luật về giới hạn cấp tín dụng tại NHTM.
294. Pháp luật về quản lý rủi ro trong hoạt động cho vay của NHTM.
295. Pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối tại các TCTD.
296. Pháp luật về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.
297. Điều chỉnh bằng pháp luật đối với lợi ích nhóm trong hoạt động ngân hàng.
298. Pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động tín dụng của các TCTD.
299. Chế độ pháp lý về bảo hiểm tiền gửi.

300. Quy định pháp luật về đình chỉ thực hiện hợp đồng tín dụng.
301. Quy định pháp luật về chấm dứt hợp đồng tín dụng.
302. So sánh pháp luật thanh tra, giám sát hệ thống ngân hàng tại Việt Nam với các nước khác (sinh viên có thể lựa chọn một số nước cụ thể).
303. Bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền trong chế định kiểm soát đặc biệt các tổ chức tín dụng.
304. Pháp luật cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam.
305. Thực tiễn và kinh nghiệm từ pháp luật cạnh tranh của các nước khác trong lĩnh vực ngân hàng
306. Pháp luật về hạn chế sử dụng ngoại tệ trên lãnh thổ Việt Nam trong bối cảnh hội nhập tài chính-tiền tệ khu vực và quốc tế.
307. Pháp luật về kiểm soát giao dịch ngoại tệ bằng tiền mặt.
308. Pháp luật về vay nước ngoài của doanh nghiệp không được chính phủ bảo lãnh.
- 309.
310. Quyền tiếp cận thông tin của nhà đầu tư trong lĩnh vực ngân hàng.
311. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng sử dụng dịch vụ ngân hàng.
312. Quy định pháp luật về bảo mật thông tin khách hàng trong hoạt động kinh doanh ngân hàng.
313. Quy định pháp luật về bảo đảm an toàn trong dịch vụ ngân hàng điện tử.
314. Quy định pháp luật điều chỉnh đối với hoạt động gửi tiền tại tổ chức tín dụng thông qua phương tiện điện tử
315. Quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền trong các dịch vụ ngân hàng số.
316. Điều kiện gia nhập thị trường của các doanh nghiệp công nghệ có liên quan đến hoạt động kinh doanh tiền tệ.
317. Quy định pháp luật về điều kiện thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trung gian thanh toán.
318. Pháp luật về biện pháp đảm bảo an toàn trong hoạt động của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
319. Quy định pháp luật về đảm bảo an toàn đối với dịch vụ ngân hàng trực tuyến.
320. Pháp luật phòng chống rửa tiền trong hoạt động nhận tiền gửi.

321. Pháp luật về điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu.
322. Quy chế pháp lý về thẻ tín dụng.
323. Quy chế pháp lý về đảm bảo an toàn trong giao dịch thẻ ngân hàng.
324. Quy chế pháp lý về hoạt động của cổng thanh toán điện tử.
325. Quy chế pháp lý về hoạt động thư tín dụng
326. Quy chế pháp lý về hoạt động thanh toán thông qua ứng dụng trên thiết bị di động.
327. Quy định pháp luật về quản lý rủi ro trong hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.
328. Nghĩa vụ của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán trong quan hệ thanh toán qua tài khoản.
329. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng trong quan hệ mở và sử dụng tài khoản thanh toán.
330. Quyền và nghĩa vụ của chủ tài khoản trong quan hệ mở và sử dụng tài khoản thanh toán.
331. Chế độ pháp lý về các công ty công nghệ tài chính ở Việt Nam (fintech).

D. PHÁP LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

332. Pháp luật về hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ.
333. Pháp luật về kiểm soát khả năng thanh toán đối với doanh nghiệp bảo hiểm.
334. Pháp luật về chế độ tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ.
335. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.
336. Quy định pháp luật về đồng bảo hiểm.
337. Quyền lợi có thể được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.
338. Thời điểm phát sinh hiệu lực pháp lý của HĐBH và thời điểm phát sinh trách nhiệm BH của DNBH.
339. Pháp luật về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ/phi nhân thọ.
340. Chế độ pháp lý về bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe cơ giới.
341. Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự... (Sinh viên có thể chọn bất kỳ loại hình bảo hiểm trách nhiệm dân sự nào để nghiên cứu).

342. Pháp luật về bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường biển.
343. Pháp luật về bảo hiểm tàu biển.
344. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm. *(Sinh viên có thể lựa chọn bất kỳ loại hình bảo hiểm: bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm tài sản hoặc bảo hiểm con người).*
345. Thực trạng giải quyết tranh chấp về phí bảo hiểm tại tòa án.
346. Sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản. *(Sinh viên có thể lựa chọn sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm trách nhiệm dân sự hoặc bảo hiểm con người để nghiên cứu).*
347. Chế độ pháp lý về đầu tư tài vốn của doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ.
348. Chế độ pháp lý về đầu tư vốn của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.
349. Phí bảo hiểm và các tranh chấp liên quan đến phí bảo hiểm.
350. Quyền lợi bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản và các tranh chấp có liên quan.
351. Pháp luật về chủ thể tham gia quan hệ bảo hiểm nhân thọ.
352. Giá trị pháp lý bản Quy tắc, Điều khoản bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm.
353. Thủ tục kiện đòi bảo hiểm trong bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.
354. Pháp luật về chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn trong bảo hiểm tài sản.
355. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm.
356. Thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.
357. Quy định về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản.
358. Nghĩa vụ đóng phí của bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.
359. Địa vị pháp lý của Đại lý bảo hiểm.
360. Pháp luật về hợp đồng đại lý bảo hiểm.
361. Thủ tục kiện đòi bồi thường trong bảo hiểm tài sản.
362. Trục lợi bảo hiểm và các biện pháp pháp lý chống trục lợi bảo hiểm trong bảo hiểm nhân thọ/bảo hiểm tài sản.
363. Quy định pháp luật về bảo hiểm tài sản - Những vướng mắc và hướng hoàn thiện.
364. Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm dân sự.
365. Pháp luật về chống trục lợi bảo hiểm.
366. Pháp luật về đơn phương chấm dứt hợp đồng bảo hiểm.
367. Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm vô hiệu.
368. Chấm dứt hợp đồng bảo hiểm và hậu quả pháp lý.

369. Pháp luật về hoạt động môi giới bảo hiểm.
370. Hợp đồng bảo hiểm trùng trong bảo hiểm tài sản.
371. Quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới.
372. Bản chất pháp lý của bồi thường trong hợp đồng bảo hiểm tài sản.
373. Quy định pháp luật về trách nhiệm trả tiền bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm.
374. Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm.
375. Quy định pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tài sản trên giá trị.
376. Quy định pháp luật về hợp đồng bảo hiểm tài sản dưới giá trị.
377. Pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm của bên bảo hành sản phẩm.
378. Khía cạnh pháp lý của sản phẩm liên kết ngân hàng- bảo hiểm.
379. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nhân thọ.
380. Địa vị pháp lý của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ.
381. Sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm trách nhiệm dân sự và các tranh chấp có liên quan.
382. Sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm nhân thọ và các tranh chấp có liên quan.
383. Sự kiện bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản và các tranh chấp có liên quan.
384. Nghĩa vụ giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm.
385. Các chủ thể tham gia vào quan hệ bảo hiểm nhân thọ.
386. Qui định pháp luật về bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính.
387. Qui định pháp luật nhằm bảo vệ quyền lợi của người được bảo hiểm.
388. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi người mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.
389. Pháp luật về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm.
390. Pháp luật về chuyển giao hợp đồng bảo hiểm.
391. Pháp luật về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.
392. Pháp luật về bảo hiểm nông nghiệp.
393. Hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ- lý luận và thực tiễn
394. Pháp luật về bảo hiểm vi mô
395. Giải quyết tranh chấp trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ

E. PHÁP LUẬT VỀ CHỨNG KHOÁN

396. Địa vị pháp lý của công ty chứng khoán.

397. Pháp luật về hoạt động môi giới của công ty chứng khoán
398. Pháp luật về hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán.
399. Cơ chế pháp lý phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của công ty chứng khoán.
400. Cơ chế pháp lý phòng ngừa rủi ro trong hoạt động của công ty quản lý quỹ.
401. Pháp luật về hoạt động đầu tư chứng khoán của công ty đầu tư chứng khoán.
402. Quy định pháp luật về điều kiện phát hành chứng khoán.
403. Quy định về hoạt động phát hành cổ phiếu ra công chúng.
404. Quy định về hoạt động phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.
405. Quy định pháp luật về quỹ mở.
406. Quy định pháp luật về quỹ đóng.
407. Quy định pháp luật về quỹ thành viên.
408. Pháp luật về phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư của quỹ đại chúng.
409. Pháp luật về bảo lãnh phát hành chứng khoán.
410. Pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng.
411. Cơ chế pháp lý đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của nhà đầu tư chứng khoán.
412. Địa vị pháp lý của công ty quản lý quỹ.
413. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư chứng khoán.
414. Địa vị pháp lý của Sở giao dịch chứng khoán.
415. Thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
416. Địa vị pháp lý của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
417. Pháp luật về điều kiện và thủ tục niêm yết cổ phiếu.
418. Pháp luật về điều kiện và thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư.
419. Pháp luật về kiểm soát giao dịch nội bộ trên thị trường chứng khoán.
420. Thực tiễn tuân thủ các quy định về nghĩa vụ của tổ chức phát hành chứng khoán ra công chúng
421. Thực tiễn giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động đầu tư chứng khoán.
422. Pháp luật về đăng ký và lưu ký chứng khoán
423. Pháp luật về hoạt động giao dịch ký quỹ chứng khoán.
424. Địa vị pháp lý của công ty đầu tư chứng khoán.
425. Đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh của công ty chứng khoán/ công ty quản lý quỹ.
426. Quy định pháp luật về tạm đình chỉ - đình chỉ công ty chứng khoán.

427. Quy định pháp luật về tạm đình chỉ - đình chỉ công ty quản lý quỹ.
428. Quy định pháp luật về hủy giao dịch chứng khoán niêm yết.
429. Pháp luật điều chỉnh về xử lý vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán.
430. Biện pháp pháp lý nhằm bảo vệ quyền lợi của khách hàng tại CTCK.
431. Biện pháp pháp lý đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho khách hàng của công ty chứng khoán.
432. Quy định pháp luật về người hành nghề chứng khoán.
433. Quy định kiểm soát đặc biệt đối với công ty chứng khoán.
434. Pháp luật về chứng chỉ lưu ký / chứng quyền.
435. Quy định pháp luật hạn chế xung đột lợi ích trên TTCK / trong hoạt động kinh doanh của CTCK.
436. Quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh trên TTCK tập trung.
437. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Bộ môn: LUẬT THƯƠNG MẠI

A. PHÁP LUẬT DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ VÀ PHÁ SẢN

1. Quy chế pháp lý về chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân theo Luật Doanh nghiệp
2. Nghĩa vụ của người quản lý công ty trong pháp luật một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam (sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể)
3. Pháp luật về kiểm soát các giao dịch có nguy cơ tư lợi trong công ty cổ phần theo pháp luật một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam (sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể)
4. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần
5. Pháp luật về bảo vệ quyền của cổ đông thiểu số trong công ty đại chúng
6. Pháp luật về xác lập, chấm dứt tư cách thành viên, cổ đông công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp
7. Thỏa thuận cổ đông theo pháp luật của một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam (sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể)
8. Thực hiện nghĩa vụ góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp
9. Chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu công ty theo Luật Doanh nghiệp
10. Định đoạt phần vốn góp trong công ty TNHH hai thành viên trở lên theo Luật Doanh nghiệp
11. Một số vấn đề pháp lý về thành viên hợp danh trong công ty hợp danh theo Luật Doanh nghiệp
12. Địa vị pháp lý của Giám đốc (Tổng giám đốc) trong bộ máy quản lý nội bộ công ty cổ phần
13. Địa vị pháp lý của Hội đồng quản trị trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp
14. Quy chế pháp lý về thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong công ty cổ phần

15. Pháp luật về quản trị công ty niêm yết của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam (sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể)
16. Pháp luật về quyền khởi kiện của cổ đông - Nghiên cứu so sánh luật
17. Quyền và nghĩa vụ của người quản lý công ty cổ phần - Nghiên cứu so sánh luật
18. Quy chế pháp lý về mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con theo pháp luật Việt Nam
19. Mối quan hệ giữa công ty mẹ và công ty con theo pháp luật một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam (sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể)
20. Quy chế pháp lý về sở hữu chéo theo pháp luật của một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam (sinh viên có thể chọn một quốc gia cụ thể)
21. Vấn đề kiểm soát giao dịch giữa các công ty trong nhóm công ty theo Luật Doanh nghiệp
22. Mối quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu và người quản lý công ty theo Luật Doanh nghiệp
23. Quy chế pháp lý về người quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
24. Địa vị pháp lý của người quản lý doanh nghiệp nhà nước theo pháp luật Việt Nam
25. Góp vốn thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
26. Pháp luật về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết
27. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông trong công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp
28. Pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh (sinh viên lựa chọn một lĩnh vực cụ thể)
29. Pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh giáo dục mầm non
30. Pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh giáo dục đại học
31. Pháp luật về hộ kinh doanh
32. Pháp luật về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ
33. Địa vị pháp lý của ban kiểm soát trong công ty cổ phần

34. Nghĩa vụ công bố thông tin của công ty cổ phần đại chúng theo pháp luật Việt Nam.
35. Mua lại phần vốn góp/ cổ phần trong công ty trách nhiệm hữu hạn/công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp
36. Địa vị pháp lý của Đại hội đồng cổ đông trong bộ máy quản lý nội bộ công ty đại chúng
37. Pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư trong đầu tư theo phương thức đối tác công tư
38. Địa vị pháp lý của Tòa án trong thủ tục giải quyết phá sản
39. Người đại diện phần vốn nhà nước trong doanh nghiệp theo pháp luật Việt Nam
40. Nghĩa vụ công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước
41. Quyền thành lập doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
42. Những vấn đề pháp lý về hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong công ty cổ phần (khuyến khích nghiên cứu từ thực tiễn xét xử của tòa án và/hoặc trọng tài)
43. Tranh chấp về tư cách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (khuyến khích nghiên cứu từ thực tiễn xét xử của tòa án và/hoặc trọng tài)
44. Pháp luật về quyền của cổ đông trong công ty cổ phần và cơ chế thực thi
45. Pháp luật về cổ tức và trả cổ tức trong công ty cổ phần
46. Pháp luật về điều lệ công ty
47. Các mô hình quản trị công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp
48. Ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam
49. Mua cổ phần, phần vốn góp trong doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam.
50. Thực hiện hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo Luật Đầu tư Nguyên tắc công khai, minh bạch trong đầu tư theo phương thức PPP.
51. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP theo pháp luật Việt Nam

52. Những vấn đề pháp lý về chia sẻ phân tăng, giảm doanh thu trong dự án PPP
53. Tổ chức lại doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
54. Giải thể doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp
55. Những vấn đề pháp lý về phân chia lợi nhuận trong mô hình Hợp tác xã
56. Các nguyên tắc hoạt động của Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã
57. Tổ chức, quản lý Hợp tác xã
58. Tài sản không chia của Hợp tác xã theo pháp luật Việt Nam
59. Thành lập doanh nghiệp và góp vốn vào doanh nghiệp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam
60. Giám sát doanh nghiệp nhà nước theo pháp luật Việt Nam
61. Địa vị pháp lý của chủ nợ trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã
62. Tài sản và thứ tự phân chia tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản
63. Các vấn đề pháp lý về phá sản các tổ chức tín dụng ở Việt Nam
64. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản theo Luật Phá sản năm 2014
65. Địa vị pháp lý của quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản trong thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã
66. Vấn đề điều hòa giữa lợi ích của chủ nợ và doanh nghiệp bị mở thủ tục phá sản theo Luật Phá sản 2014
67. Hội nghị chủ nợ trong thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo Luật Phá sản 2014
68. Quy chế pháp lý về vốn của Hợp tác xã theo pháp luật Việt Nam
69. Doanh nghiệp xã hội theo Luật Doanh nghiệp
70. Pháp luật về doanh nghiệp xã hội của một số quốc gia (sinh viên có thể chọn một hoặc một số quốc gia cụ thể) - Kinh nghiệm cho Việt Nam

71. Ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh theo pháp luật Việt Nam
72. Pháp luật về ưu đãi đầu tư
73. Pháp luật về đầu tư ra nước ngoài
74. Vấn đề bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục phá sản theo Luật Phá sản 2014
75. Quy chế pháp lý về quản tài viên theo pháp luật một số quốc gia (sinh viên có thể chọn một hoặc một số quốc gia cụ thể) và kinh nghiệm cho Việt Nam
76. Chuyển nhượng dự án đầu tư theo Luật Đầu tư
77. Kiểm soát việc đầu tư chéo của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam
78. Thủ tục đầu tư thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật Việt Nam
79. Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo pháp luật Việt Nam
80. Pháp luật về dự án đầu tư có yêu cầu áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt
81. Pháp luật về kinh doanh Casino
82. Pháp luật về kinh doanh đặt cược
83. Vấn đề pháp lý về chuyển đổi (cổ phần hóa) hợp tác xã.
84. Vấn đề pháp lý về quản trị công ty trong mua bán, sáp nhập doanh nghiệp.
85. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp nội bộ doanh nghiệp của trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam.
86. Đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam
87. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong công ty cổ phần theo pháp luật Việt Nam
88. Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật Việt Nam
89. Thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có yêu cầu sử dụng đất theo pháp luật Việt Nam
90. Chấm dứt dự án đầu tư theo Luật Đầu tư

B. PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ

91. Nguyên tắc áp dụng Luật thương mại
92. Nguyên tắc áp dụng thói quen trong hoạt động thương mại
93. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa theo Luật Thương mại 2005
94. Thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa qua sổ giao dịch hàng hóa theo Luật Thương mại 2005
95. Chuyển rủi ro trong hoạt động mua bán hàng hóa theo Luật Thương mại 2005
96. Pháp luật về hoạt động đại diện cho thương nhân
97. Pháp luật về hoạt động ủy thác mua bán hàng hóa
98. Pháp luật về hoạt động đại lý thương mại
99. Pháp luật về hoạt động môi giới thương mại
100. Pháp luật về hoạt động nhượng quyền thương mại
101. Pháp luật về quá cảnh hàng hóa
102. Miễn trách nhiệm và giới hạn trách nhiệm của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics
103. Hoạt động cho thuê hàng hóa theo Luật Thương mại 2005
104. Pháp luật về giám định thương mại
105. Giá trị pháp lý của chứng thư giám định và hậu quả pháp lý của việc cấp chứng thư giám định sai
106. Quyền cầm giữ và định đoạt hàng hóa của thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics
107. Quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán theo Luật Thương mại 2005
108. Pháp luật về gia công hàng hóa trong thương mại
109. Pháp luật về quảng cáo thương mại ở Việt Nam
110. Pháp luật về quảng cáo trên trang thông tin điện tử
111. Pháp luật về hoạt động khuyến mại ở Việt Nam

112. Hành vi bị cấm trong hoạt động quảng cáo
113. Hành vi bị cấm trong hoạt động khuyến mại
114. Pháp luật về trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ
115. Pháp luật về hội chợ, triển lãm thương mại
116. Xuất xứ hàng hóa ưu đãi theo pháp luật Việt Nam
117. Miễn trách nhiệm đối với vi phạm hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
118. Chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
119. Chế tài buộc thực hiện đúng hợp đồng theo Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG)
120. Chế tài tạm ngừng thực hiện hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
121. Chế tài bồi thường thiệt hại theo Luật Thương mại 2005
122. Chế tài phạt vi phạm hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
123. Chế tài đình chỉ thực hiện hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
124. Chế tài hủy bỏ hợp đồng theo Luật Thương mại 2005
125. Pháp luật về khiếu nại trong hoạt động thương mại
126. Chế tài bồi thường thiệt hại theo Công ước của Liên Hiệp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
127. Vấn đề hạn chế tổn thất của bên yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Công ước của Liên Hiệp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
128. Vấn đề hạn chế tổn thất của bên yêu cầu bồi thường thiệt hại theo Luật Thương mại 2005
129. Chế tài hủy bỏ hợp đồng theo Công ước của Liên Hiệp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
130. Vấn đề vi phạm hợp đồng trước thời hạn theo Công ước của Liên Hiệp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế
131. Hàng hóa không phù hợp với hợp đồng theo Luật Thương mại 2005

132. Trách nhiệm đối với hàng hóa không phù hợp với hợp đồng theo Luật Thương mại 2005

C. PHÁP LUẬT CẠNH TRANH

133. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị cấm theo pháp luật Cạnh tranh (sinh viên cần chọn một hành vi cụ thể)

134. Hành vi lôi kéo khách hàng bất chính theo Luật Cạnh tranh năm 2018

135. Hành vi xâm phạm thông tin bí mật trong kinh doanh theo Luật Cạnh tranh năm 2018

136. Xác định thị trường liên quan theo Luật Cạnh tranh năm 2018

137. Kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo Luật Cạnh tranh năm 2018

138. Đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của thỏa thuận hạn chế cạnh tranh theo Luật Cạnh tranh năm 2018

139. Thủ tục miễn trừ theo Luật Cạnh tranh năm 2018

140. Chính sách khoan hồng theo Luật Cạnh tranh năm 2018

141. Chống hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền theo Luật Cạnh tranh năm 2018

142. Xác định sức mạnh thị trường đáng kể theo Luật Cạnh tranh năm 2018

143. Kiểm soát doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực độc quyền nhà nước

144. Kiểm soát tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh năm 2018

145. Đánh giá tác động hoặc khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể của việc tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh năm 2018

146. Thẩm định tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh năm 2018

147. Địa vị pháp lý của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trong tổ tụng cạnh tranh

148. Địa vị pháp lý của Cơ quan điều tra vụ việc cạnh tranh trong tổ tụng cạnh tranh

149. Tổ tụng cạnh tranh theo Luật Cạnh tranh năm 2018

150. Chế tài đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Luật Cạnh tranh năm 2018

151. Chế tài đối với các hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm

152. Quy định pháp luật về hòa giải thương mại

153. Tổ tụng trọng tài theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010

154. Xác định thẩm quyền của trọng tài thương mại theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010
155. Các vấn đề pháp lý về hiệu lực của thỏa thuận trọng tài
156. Hủy phán quyết trọng tài theo Luật Trọng tài thương mại năm 2010
157. Tiêu chuẩn xác định ngưỡng thông báo tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh 2018
158. Trình tự, thủ tục xử lý đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Luật cạnh tranh năm 2018
159. Biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018
160. Các biện pháp phạt bổ sung theo quy định của Luật Cạnh tranh 2018